SỞ Y TẾ HÀ TĨNH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

HỒ SƠ CÔNG BỐ

CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LÀ CƠ SỞ THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE

Hà Tĩnh, tháng 10 năm 2023

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 1011/BVĐKT-CĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 106/SYT-GPHĐ do Sở Y tế cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông - Phường Bắc Hà - TP. Hà Tĩnh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS.BSCKII. Hoàng Quang Trung

Điện thoại: 0912.182.128 Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)

2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2).

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định/.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu: VT, CĐT.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	7	105	70	210	15	75
2	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Nội Tim mạch	6	90	70	210	15	60
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Nội tiết	5	75	40	120	15	45

4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	5	75	37	111	15	30
5	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Ung bướu	8	120	70	210	15	90
6	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	5	75	42	126	15	45
7	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	8	120	42	126	15	90
8	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Chấn thương	7	105	40	120	15	75
9	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Ngoại Thần kinh	8	120	32	96	15	90

10	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Cấp cứu chống độc	5	75	10	30	10	20
11	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	9	135	27	81	10	71
12	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Sản	7	105	50	150	0	30
13	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Phụ	4	60	20	60	0	0
14	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	7	105	67	201	0	45
15	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền	4	60	26	78	0	15
16	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa TMH	7	105	22	66	0	66
17	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa RHM	5	75	16	48	0	48
18	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa Mắt	6	90	12	36	0	36
19	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Da liễu	4	60	10	30	0	30

20	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tế ngành	Dạy học TH	Các khoa LS						
21	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Các khoa Nội	14	70	217	651	60	10
22	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Các khoa Ngoại	11	55	226	678	50	5
23	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Dạy học TH	Khoa Phụ và HTSS	7	105	20	60	30	0
24	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bà mẹ khi mang thai	Dạy học TH	Khoa Sản và Khoa Phụ	6	90	70	210	0	30
25	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học TH	Khoa Sản	7	105	50	150	25	30
26	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sau đẻ	Dạy học TH	Khoa Sản	7	105	50	150	0	30
27	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học TH	Khoa Sản	7	105	50	150	30	30
28	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học TH	Khoa Phụ và HTSS	4	60	20	60	0	30

29	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ phá thai	Dạy học TH	Khoa Sản	6	90	50	150	0	30
30	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ phá thai	Dạy học TH	Khoa Phụ và HTSS	4	60	20	60	0	0
31	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ mãn kinh	Dạy học TH	Khoa Phụ và HTSS	4	60	20	60	0	0
32	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sơ sinh	Dạy học TH	Khoa Nhi	7	105	67	201	0	45
35	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	7	105	67	201	30	45
36	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Dạy học TH	Truyền nhiễm	4	60	26	84	15	15
37	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tế ngành	Dạy học TH	Khoa Sản, khoa Phụ	11	55	70	210	0	
38	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	3	45	70	210	15	30
39	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội Tim mạch	5	75	70	210	15	60
40	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội tiết	3	45	40	120	15	30

41	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	3	45	37	111	15	30
42	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	2	30	42	126	15	15
43	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	2	30	42	126	15	15
44	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại thần kinh	2	30	40	120	15	15
45	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Chấn thương	2	30	32	96	15	15
46	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Ung bướu	5	75	70	210	15	15
47	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	5	75	70	210	15	60
48	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội Tim mạch	5	75	70	210	15	60
49	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội tiết	2	30	40	120	15	15
50	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	2	30	37	111	15	15

51	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	6	90	27	81	0	66
52	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Cấp cứu chống độc	3	45	10	30	0	15
53	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	4	60	42	126	15	15
54	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	6	90	42	126	15	45
55	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại thần kinh	5	75	32	96	15	2
56	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Chấn thương	4	60	40	120	15	10
57	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Sản	5	75	50	150	15	30
58	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Phụ	4	60	20	60	15	0
59	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	67	201	30	15
60	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền	4	60	26	84	30	30

61	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Các khoa LS						
62	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	3	45	70	210	15	30
63	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội Tim mạch	5	75	70	210	15	60
64	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội tiết	3	45	40	120	15	30
65	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	3	45	37	111	15	30
66	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	2	30	42	126	15	15
67	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	2	30	42	126	15	15
68	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại thần kinh	2	30	40	120	15	15
69	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Chấn thương	2	30	32	96	15	15
70	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Ung bướu	5	75	70	210	15	15

71	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	5	75	70	210	15	60
72	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội Tim mạch	5	75	70	210	15	60
73	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội tiết	2	30	40	120	15	15
74	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	2	30	37	111	15	15
75	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	6	90	27	81	0	66
76	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Cấp cứu chống độc	3	45	10	30	0	15
77	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	4	60	42	126	15	15
78	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	6	90	42	126	15	45
79	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại thần	5	75	32	96	15	2
80	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Chấn thương	4	60	40	120	15	10

81	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Sản	5	75	50	150	15	30
82	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Phụ	4	60	20	60	15	0
83	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	67	201	30	15
84	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	4	60	26	84	30	30
83	6720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Các khoaLS						
84	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại	Dạy học TH	Chấn thương	7	70	40	120	0	70
85	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại	Dạy học TH	Ngoại Thần kinh	8	80	32	96	0	80
86	7720301	Đại học	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Cấp cứu chống độc	5	50	10	30	0	50
87	7720301	Đại học	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	9	90	27	81	0	90
88	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Sản	7	70	50	150	0	70

89	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Phụ	4	40	20	60	0	40
90	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	7	70	67	201	0	70
91	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền	4	40	26	78	0	40
92	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa TMH	7	70	22	66	0	70
93	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa RHM	5	50	16	48	0	50
94	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa Mắt	6	60	12	36	0	60
95	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Da liễu	4	40	10	30	0	40
96	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tế ngành	Dạy học TH	Các khoa LS						
97	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	1	10	70	210	0	10
98	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Nội Tim mạch	1	10	70	210	0	10

99	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Nội tiết	1	10	40	120	0	10
100	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Thận, cơ, xương khớp	1	10	37	111	0	10
101	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Ung bướu	1	10	70	210	0	10
102	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Ngoại Tiêu hóa	1	10	42	126	0	10
103	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	1	10	42	126	0	10
104	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Chấn thương	1	10	40	120	0	10
105	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Ngoại Thần kinh	1	10	32	96	0	10
106	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Cấp cứu chống độc	1	10	10	30	0	10
107	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	1	10	27	81	0	10
108	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Sản	1	10	50	150	0	10

109	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Phụ	1	10	20	60	0	10
110	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Nhi	1	10	67	201	0	10
111	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Truyền	1	10	26	78	0	10
112	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa TMH	1	10	22	66	0	10
113	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa RHM	1	10	16	48	0	10
114	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Mắt	1	10	12	36	0	10
115	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Da liễu	1	10	10	30	0	10

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Thắng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Ngoại khoaI, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2.	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3.	Nguyễn Việt Cường	BSCK I	Ngoại khoa	0001151/HT	KCB Ngoại khoa	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
4.	Nguyễn Huy Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001101/HT	KCB Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42

5.	Trần Ngọc Sâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001774/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
6.	Đinh Văn Bình	Thạc sĩ	Bác sĩ	000199/HT	Khám chữa bệnh	17	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
7.	Lê Anh Quang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001385/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
8.	Nguyễn Huy Hoàng	Bác sĩ	Bác sĩ	004885/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	03	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
9.	Nguyễn Văn Trường	BSCK I	Bác sĩ	0004088/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	06	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
10.	Nguyễn Mạnh Hùng	BSCK I	Ngoại chấn thương	000136/HT	Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
11.	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thần kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
12.	Trần Đức Tuấn	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004471/HT	Ngoại khoa	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32

13.	Chu Thị Hồng Nga	CNĐD	Đa khoa	0001091/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
14.	Trần Đức Dũng	BSCK II	Ngoại khoa	0001401/HT	Ngoại khoa	29	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
15.	Nguyễn Xuân Thắng	BSCK II	Ngoại khoa	000134/HT	Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
16.	Phan Văn Hùng	BSCK I	Ngoại khoa	0001405/HT	Ngoại khoa	13	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
17.	Trần Viết Công	Bác sĩ	Đa khoa	0003732/HT	Ngoại khoa	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
18.	Đặng Đôn Đỡ Long	Bác sĩ	Đa khoa	004884/HT	Ngoại khoa	3	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
19.	Nguyễn Tiến Độ	Bác sĩ	Đa khoa	004929/HT	Ngoại khoa	3	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
20.	Trần Thị Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0001398/HT	Chăm sóc người bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42

21.	Văn Thị Mỹ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001399/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
22.	Võ Văn Phương	BSCK II	Bác sĩ	0001136/HT	Khám chữa bệnh	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
23.	Nguyễn Việt Hùng	BSCK I	Bác sĩ	0001322/HT	Khám chữa bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
24.	Nguyễn Văn Khoa	BSCK I	Bác sĩ	0001138/HT	Khám chữa bệnh	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
25.	Đoàn Xuân Trường	Cử nhân	Điều dưỡng	0001791/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
26.	Lê Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0001112/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
27.	Nguyễn Thị Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	0002385/HT	Chăm sóc người bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

28.	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	004826/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
29.	Đinh Hoài Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001119/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0004093/HT	Khám chữa bệnh Nội	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
2	Võ Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001117/HT	Chăm sóc người bệnh	8	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
3	Thái Thọ	Thạc sĩ	Nội khoa	000054/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	14	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
4	Hoàng Thị Xuân Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001118/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
5	Hoàng Phương Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0001121/HT	Chăm sóc người bệnh	5	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40

6	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
7	Trần Thị Thanh Hảo	Thạc sĩ	Nội khoa	0001316/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
8	Trương Thị Như	Cử nhân	Điều dưỡng	0001432/HT	Chăm sóc người bệnh	22	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
9	Bạch Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001158/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
10	Vương Kim Đức	BSCK II	Nội khoa	0001733/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	30	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
11	Hoàng Văn Thành	BSCK I	Nội khoa	0001241/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
12	Trần Thị Phương Thu	Bác sĩ	Nội khoa	0004483/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
13	Trần Ngọc Anh	Bác sĩ	Nội khoa	004923/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
14	Đoàn Thị Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001240/HT	Chăm sóc người bệnh	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70

15	Đặng Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001097/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
16	Nguyễn Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001274/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
17	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
18	Phạm Hữu Đà	Thạc sĩ	Nội khoa	0001325/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	CSSK người cao tuổi	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
19	Tống Phong Vũ	Bác sĩ	Nội khoa	0003674/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
20	Nguyễn Phi Thành	Thạc sĩ	Nội khoa	0001339/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
21	Nguyễn Thị Kiệm	Cử nhân	Cử nhân	0001130/HT	Chăm sóc người bệnh	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
22	Phan Thị Thu Hiền	Cử nhân	Cử nhân	0001330/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
23	Đinh Sỹ Thanh	Bácsĩ	Nội khoa	004925/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

24	Nguyễn Thị Thùy Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001315/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70
25	Dương Thị Nghĩa	Cử nhân	Nội khoa	0001141/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Hải	BSCK I	Hồi sức tích cực	0001243/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	7	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
2	Bùi Văn Thiện	BSCK I	Hồi sức tích cực	004555/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
3	Dương Khuê	BSCK I	Hồi sức tích cực	004556/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
4	Ngô Quỳnh Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001371/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
5	Phạm Thị Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001250/HT	Chăm sóc người bệnh	7	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
6	Trần Ngọc Lâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001305/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
7	Hoàng Quang Trung	Thạc sĩ	HSCC	0001340/HT	Khám chữa bệnh	14	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10

8	Nguyễn Xuân Thái	Thạc sĩ	HSCC	0001346/HT	Khám chữa bệnh	14	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
9	Nguyễn Đăng Thái	Cử nhân	Điều dưỡng	0001149/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	28	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
6	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50

7	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
8	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	Sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
9	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	Sản phụ khoa	9	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
10	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	Sản phụ khoa	4	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
11	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Quang Minh	Thạc sĩ	Nhi	000394/HT	Khám chữa bệnh Nhi	12	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
2	Dương Văn Giáp	Thạc sĩ	Nhi	0001438/HT	Khám chữa bệnh Nhi	08	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
3	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0001433/HT	Chăm sóc người bệnh	19	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
4	Trần Thị Lệ Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	0001159/HT	Chăm sóc người bệnh	17	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Nhi	67
5	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0004434/HT	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh Truyền nhiễm

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Thị Lý	BSCK I	Truyền nhiễm	004695/HT	KCB Truyền nhiễm	22	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
2	Hoàng Viết Cường	BSCK I	Nội khoa	0001093/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	05	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
3	Trần Thị Mỹ An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001306/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Bích Lợi	Thạc sĩ	Mắt	0001809/HT	Khám chữa bệnh	17	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
2	Mai Văn Long	BSCK I	Mắt	000033/HT	Khám chữa bệnh	16	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
3	Hoàng Thị Nho	Bác sĩ	Mắt	0004450/HT	Khám chữa bệnh	5	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
4	Nguyễn Thị Lý	Cử nhân	Điều dưỡng	0001324/HT	Chăm sóc người bệnh	29	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
5	Kiều Thị Nguyệt Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0001811/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
6	Dương Thanh Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001810/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
7	Nguyễn Thị Hồng Lâm	BSCK I	RHM	000232/HT	Khám chữa bệnh	12	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
8	Võ Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0001816/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16

9	Nguyễn Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001188/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
10	Ngô Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001815/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
11	Thái Xuân Hải	BSCK I	Da liễu	000074/HT	Khám chữa bệnh	21	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
12	Trịnh Thị Thu Hiền	BSCK I	Da liễu	000272/HT	Khám chữa bệnh	25	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
13	Nguyễn Thị Hoài An	BSCK I	Da liễu	004712/HT	Khám chữa bệnh	6	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
14	Đoàn Thị Chuyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001793/HT	Chăm sóc người bệnh	21	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
15	Lê Thị Hà	Thạc sĩ	TMH	31/HT	Khám chữa bệnh	22	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
16	Trần Xuân Sơn	BSCK I	TMH	000110/HT	Khám chữa bệnh	18	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
17	Lê Bá Sang	BSCK I	TMH	000328/HT	Khám chữa bệnh	10	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
18	Nguyễn Thị Thanh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0002217/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
20	Nguyễn Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001805/HT	Chăm sóc người bệnh	13	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
21	Nguyễn Thị Na	Củ nhân	Điều dưỡng	004502/HT	Chăm sóc người bệnh	13	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47

22	Võ Thị Hồng Lê	Cử nhân	Điều dưỡng	0001365/HT	Chăm sóc người bệnh	13	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47

Phụ lục này có 18 trang, 7 biểu mẫu với tổng số 104 giảng viên dạy thực hành

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Thắng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2 - Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2.	Trần Ngọc Sâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001774/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
3.	Lê Anh Quang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001385/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
4.	Chu Thị Hồng Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	0001091/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
5.	Trần Thị Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0001398/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
6.	Văn Thị Mỹ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001399/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
7.	Đoàn Xuân Trường	Cử nhân	Điều dưỡng	0001791/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

8.	Lê Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0001112/HT	Chăm sóc người bệnh	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
9.	Nguyễn Thị Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	0002385/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
10.	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	004826/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
11	Đinh Hoài Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001119/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
2	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
2	Võ Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001117/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
4	Hoàng Thị Xuân Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001118/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
5	Hoàng Phương Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0001121/HT	Chăm sóc người bệnh	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
6	Trương Thị Như	Cử nhân	Điều dưỡng	0001432/HT	Chăm sóc người bệnh	22	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
7	Bạch Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001158/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37

8	Đoàn Thị Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001240/HT	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
9	Đặng Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001097/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
10	Nguyễn Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001274/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
11	Nguyễn Thị Kiệm	Cử nhân	Cử nhân	0001130/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
12	Phan Thị Thu Hiền	Cử nhân	Cử nhân	0001330/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
13	Nguyễn Thị Thùy Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001315/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70
14	Dương Thị Nghĩa	Cử nhân	Nội khoa	0001141/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc thai nghén

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	28	Chăm sóc thai nghén	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	Sản phụ khoa	9	Chăm sóc thai nghén	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	25	Chăm sóc thai nghén	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	Chăm sóc thai nghén	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Chăm sóc thai nghén	Dạy học thực hành	Sản	50
6	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ	0001181/HT	Chăm sóc	09	Chăm sóc	Dạy học	Sản	50

			Sản		người bệnh		thai nghén	thực hành		

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ CSSK phụ nữ, Chăm sóc phụ nữ mãn kinh

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	KCB Sản phụ khoa	9	CSSK phụ nữ	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
3	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	KCB Sản phụ khoa	4	CSSK phụ nữ	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
4	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK phụ nữ	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
5	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ	Dạy học thực hành	Sản	50

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Phá thai an toàn và toàn diện

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	KCB Sản phụ khoa	09	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	KCB Sản phụ khoa	17	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
5	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	KCB Sản phụ khoa	9	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
6	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	KCB Sản phụ khoa	4	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

7	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
8	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Sản	50
9	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Phá thai an toàn và toàn diện	Dạy học thực hành	Sản	50

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	KCB Sản phụ khoa	28	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	KCB Sản phụ khoa	09	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50
6	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CS chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học thực hành	Sản	50

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc Hộ sinh nâng cao

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	KCB Sản phụ khoa	28	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	KCB Sản phụ khoa	09	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50
6	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Sản	50

7	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	KCB Sản phụ khoa	17	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
8	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	KCB Sản phụ khoa	9	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
9	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	KCB Sản phụ khoa	4	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
10	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Quang Minh	Thạc sĩ	Nhi	000394/HT	Khám chữa bệnh Nhi	12	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
2	Dương Văn Giáp	Thạc sĩ	Nhi	0001438/HT	Khám chữa bệnh Nhi	08	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
3	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0001433/HT	Chăm sóc người bệnh	19	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
4	Trần Thị Lệ Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	0001159/HT	Chăm sóc người bệnh	17	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Nhi	67
5	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0004434/HT	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Kiểm soát nhiễm khuẩn

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Thị Lý	BSCK I	Truyền nhiễm	004695/HT	KCB Truyền nhiễm	22	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
2	Hoàng Viết Cường	BSCK I	Nội khoa	0001093/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	05	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
3	Trần Thị Mỹ An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001306/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Thực tế ngành

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	KCB Sản phụ khoa	28	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	KCB Sản phụ khoa	09	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Sản	50
6	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ	0001169/HT	Chăm sóc	09	Thực tế	Dạy học	Sản	50
7	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	KCB Sản phụ khoa	17	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

8	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	KCB Sản phụ khoa	9	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
10	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	KCB Sản phụ khoa	4	Thực tế ngành	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
11	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục này có 10 trang, 10 biểu mẫu với tổng số 32 giảng viên dạy thực hành

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Giang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa / Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2.	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3.	Trần Ngọc Sâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001774/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
4.	Lê Anh Quang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001385/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
5.	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thần kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32

6.	Chu Thị Hồng Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	0001091/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
7.	Trần Thị Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0001398/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
8.	Văn Thị Mỹ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001399/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
9.	Đoàn Xuân Trường	Cử nhân	Điều dưỡng	0001791/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
10.	Lê Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0001112/HT	Chăm sóc người bệnh	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
11.	Nguyễn Thị Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	0002385/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
12.	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	004826/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
13.	Đinh Hoài Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001119/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
14.	Võ Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001117/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
15.	Hoàng Thị Xuân Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001118/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
16.	Hoàng Phương Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0001121/HT	Chăm sóc người bệnh	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
17.	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37

18.	Trương Thị Như	Cử nhân	Điều dưỡng	0001432/HT	Chăm sóc người bệnh	22	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận – CXK	37
19.	Bạch Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001158/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
20.	Đoàn Thị Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001240/HT	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
21.	Đặng Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001097/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
22.	Nguyễn Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001274/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
23.	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
24.	Nguyễn Thị Kiệm	Cử nhân	Cử nhân	0001130/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
25.	Phan Thị Thu Hiền	Cử nhân	Cử nhân	0001330/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
26.	Nguyễn Thị Thùy Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001315/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70
27.	Dương Thị Nghĩa	Cử nhân	Nội khoa	0001141/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa /Bệnh học Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3	Nguyễn Việt Cường	BSCK I	Ngoại khoa	0001151/HT	KCB Ngoại khoa	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
4	Nguyễn Huy Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001101/HT	KCB Ngoại khoa	10	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
5	Nguyễn Quang Trúc	BSCK II	Bác sĩ	0001375/HT	Khám chữa bệnh	31	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
6	Đinh Văn Bình	Thạc sĩ	Bác sĩ	000199/HT	Khám chữa bệnh	17	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40

7	Nguyễn Huy Hoàng	Bác sĩ	Bác sĩ	004885/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	03	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
8	Nguyễn Văn Trường	BSCK I	Bác sĩ	0004088/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	06	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
9	Đào Xuân Lý	BSCK II	Ngoại thần kinh	0001388/HT	Ngoại khoa	35	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
10	Nguyễn Mạnh Hùng	BSCK I	Ngoại chấn thương	000136/HT	Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
11	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thấn kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
12	Phan Duy Đán	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004412/HT	Ngoại khoa	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
13	Trần Đức Tuấn	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004471/HT	Ngoại khoa	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
15	Trần Đức Dũng	BSCK II	Ngoại khoa	0001401/HT	Ngoại khoa	29	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
16	Nguyễn Xuân Thắng	BSCK II	Ngoại khoa	000134/HT	Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
17	Phan Văn Hùng	BSCK I	Ngoại khoa	0001405/HT	Ngoại khoa	13	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
18	Trần Viết Công	Bác sĩ	Đa khoa	0003732/HT	Ngoại khoa	6	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42

19	Đặng Đôn Đỡ Long	Bác sĩ	Đa khoa	004884/HT	Ngoại khoa	3	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
20	Nguyễn Tiến Độ	Bác sĩ	Đa khoa	004929/HT	Ngoại khoa	3	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
21	Võ Văn Phương	BSCK II	Bác sĩ	0001136/HT	Khám chữa bệnh	25	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
22	Nguyễn Việt Hùng	BSCK I	Bác sĩ	0001322/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
23	Nguyễn Văn Khoa	BSCK I	Bác sĩ	0001138/HT	Khám chữa bệnh	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0004093/HT	Khám chữa bệnh Nội	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tiết	70
2	Thái Thọ	Thạc sĩ	Nội khoa	000054/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tiết	70
3	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
4	Trần Thị Thanh Hảo	Thạc sĩ	Nội khoa	0001316/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
5	Vương Kim Đức	BSCK II	Nội khoa	0001733/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	30	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
6	Hoàng Văn Thành	BSCK I	Nội khoa	0001241/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	20	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70

7	Trần Thị Phương Thu	Bác sĩ	Nội khoa	0004483/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
8	Trần Ngọc Anh	Bác sĩ	Nội khoa	004923/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
9	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
10	Phạm Hữu Đà	Thạc sĩ	Nội khoa	0001325/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
11	Tống Phong Vũ	Bác sĩ	Nội khoa	0003674/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
12	Nguyễn Phi Thành	Thạc sĩ	Nội khoa	0001339/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
13	Đinh Sỹ Thanh	Bácsĩ	Nội khoa	004925/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng / Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Hải	BSCK I	Hồi sức tích cực	0001243/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	7	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
2	Bùi Văn Thiện	BSCK I	Hồi sức tích cực	004555/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
3	Dương Khuê	BSCK I	Hồi sức tích cực	004556/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
4	Trần Đình Trung	Thạc sĩ	Hồi sức tích cực	0003671/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	6	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
5	Hoàng Quang Trung	Thạc sĩ	HSCC	0001340/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
6	Nguyễn Xuân Thái	Thạc sĩ	HSCC	0001346/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
7	Nguyễn Đăng Thái	Cử nhân	Điều dưỡng	0001149/HT	Chăm sóc người bệnh	16	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng / Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Quang Minh	Thạc sĩ	Nhi	000394/HT	Khám chữa bệnh Nhi	12	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67
2	Dương Văn Giáp	Thạc sĩ	Nhi	0001438/HT	Khám chữa bệnh Nhi	08	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67
3	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0001433/HT	Chăm sóc người bệnh	19	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng / Y sĩ đa khoa / Bệnh Truyền nhiễm

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Thị Lý	BSCK I	Truyền nhiễm	004695/HT	KCB Truyền nhiễm	22	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
2	Hoàng Viết Cường	BSCK I	Nội khoa	0001093/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	05	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
3	Trần Thị Mỹ An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001306/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26

Phụ lục 2- Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng / Y sĩ đa khoa / Bệnh Chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Bích Lợi	Thạc sĩ	Mắt	0001809/HT	Khám chữa bệnh	17	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
2	Mai Văn Long	BSCK I	Mắt	000033/HT	Khám chữa bệnh	16	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
3	Hoàng Thị Nho	Bác sĩ	Mắt	0004450/HT	Khám chữa bệnh	5	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
4	Nguyễn Thị Lý	Cử nhân	Điều dưỡng	0001324/HT	Chăm sóc người bệnh	29	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
5	Nguyễn Thị Hồng Lâm	BSCK I	RHM	000232/HT	Khám chữa bệnh	12	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM	16
6	Võ Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0001816/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM	16

7	Thái Xuân Hải	BSCK I	Da liễu	000074/HT	Khám chữa bệnh	21	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
8	Trịnh Thị Thu Hiền	BSCK I	Da liễu	000272/HT	Khám chữa bệnh	25	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
9	Nguyễn Thị Hoài An	BSCK I	Da liễu	004712/HT	Khám chữa bệnh	6	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
10	Đoàn Thị Chuyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001793/HT	Chăm sóc người bệnh	21	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
11	Lê Thị Hà	Thạc sĩ	TMH	31/HT	Khám chữa bệnh	22	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
12	Trần Xuân Sơn	BSCK I	TMH	000110/HT	Khám chữa bệnh	18	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
13	Lê Bá Sang	BSCK I	TMH	000328/HT	Khám chữa bệnh	10	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
14	Nguyễn Thị Thanh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0002217/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Cao đẳng / Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe sinh sản

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	28	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	09	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	Sản phụ khoa	17	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
6	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK II	Bác sĩ	0003220/HT	Sản phụ khoa	9	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

7	Lâm Phúc Công	BSCK1	Bác sĩ	0004436/HT	Sản phụ khoa	4	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
8	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục này có 15 trang, 08 biểu mẫu với tổng số 98 cán bộ giảng dạy thực hành.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Thắng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2.	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3.	Trần Ngọc Sâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001774/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
4.	Lê Anh Quang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001385/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
5.	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thần kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32

6.	Chu Thị Hồng Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	0001091/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
7.	Trần Thị Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0001398/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
8.	Văn Thị Mỹ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001399/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
9.	Đoàn Xuân Trường	Cử nhân	Điều dưỡng	0001791/HT	Chăm sóc người bệnh	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
10.	Lê Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0001112/HT	Chăm sóc người bệnh	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
11.	Nguyễn Thị Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	0002385/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
12.	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	004826/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
13.	Đinh Hoài Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001119/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
14.	Võ Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001117/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
15.	Hoàng Thị Xuân Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001118/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
16.	Hoàng Phương Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0001121/HT	Chăm sóc người bệnh	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
17.	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37

18.	Trương Thị Như	Cử nhân	Điều dưỡng	0001432/HT	Chăm sóc người bệnh	22	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận – CXK	37
19.	Bạch Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001158/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
20.	Đoàn Thị Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001240/HT	Chăm sóc người bệnh	20	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
21.	Đặng Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001097/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
22.	Nguyễn Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001274/HT	Chăm sóc người bệnh	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
23.	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
24.	Nguyễn Thị Kiệm	Cử nhân	Cử nhân	0001130/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
25.	Phan Thị Thu Hiền	Cử nhân	Cử nhân	0001330/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
26.	Nguyễn Thị Thùy Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001315/HT	Chăm sóc người bệnh	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70
27.	Dương Thị Nghĩa	Cử nhân	Nội khoa	0001141/HT	Chăm sóc người bệnh	14	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3	Nguyễn Việt Cường	BSCK I	Ngoại khoa	0001151/HT	KCB Ngoại khoa	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
4	Nguyễn Huy Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001101/HT	KCB Ngoại khoa	10	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
5	Nguyễn Quang Trúc	BSCK II	Bác sĩ	0001375/HT	Khám chữa bệnh	31	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
6	Đinh Văn Bình	Thạc sĩ	Bác sĩ	000199/HT	Khám chữa bệnh	17	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40

7	Nguyễn Huy Hoàng	Bác sĩ	Bác sĩ	004885/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	03	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
8	Nguyễn Văn Trường	BSCK I	Bác sĩ	0004088/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	06	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
9	Đào Xuân Lý	BSCK II	Ngoại thần kinh	0001388/HT	Ngoại khoa	35	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
10	Nguyễn Mạnh Hùng	BSCK I	Ngoại chấn thương	000136/HT	Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
11	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thấn kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
12	Phan Duy Đán	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004412/HT	Ngoại khoa	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
13	Trần Đức Tuấn	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004471/HT	Ngoại khoa	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
15	Trần Đức Dũng	BSCK II	Ngoại khoa	0001401/HT	Ngoại khoa	29	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
16	Nguyễn Xuân Thắng	BSCK II	Ngoại khoa	000134/HT	Ngoại khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
17	Phan Văn Hùng	BSCK I	Ngoại khoa	0001405/HT	Ngoại khoa	13	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
18	Trần Viết Công	Bác sĩ	Đa khoa	0003732/HT	Ngoại khoa	6	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42

19	Đặng Đôn Đỡ Long	Bác sĩ	Đa khoa	004884/HT	Ngoại khoa	3	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
20	Nguyễn Tiến Độ	Bác sĩ	Đa khoa	004929/HT	Ngoại khoa	3	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
21	Võ Văn Phương	BSCK II	Bác sĩ	0001136/HT	Khám chữa bệnh	25	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
22	Nguyễn Việt Hùng	BSCK I	Bác sĩ	0001322/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
23	Nguyễn Văn Khoa	BSCK I	Bác sĩ	0001138/HT	Khám chữa bệnh	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0004093/HT	Khám chữa bệnh Nội	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tiết	70
2	Thái Thọ	Thạc sĩ	Nội khoa	000054/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tiết	70
3	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
4	Trần Thị Thanh Hảo	Thạc sĩ	Nội khoa	0001316/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
5	Vương Kim Đức	BSCK II	Nội khoa	0001733/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	30	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
6	Hoàng Văn Thành	BSCK I	Nội khoa	0001241/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	20	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70

7	Trần Thị Phương Thu	Bác sĩ	Nội khoa	0004483/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
8	Trần Ngọc Anh	Bác sĩ	Nội khoa	004923/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
9	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
10	Phạm Hữu Đà	Thạc sĩ	Nội khoa	0001325/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
11	Tống Phong Vũ	Bác sĩ	Nội khoa	0003674/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
12	Nguyễn Phi Thành	Thạc sĩ	Nội khoa	0001339/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
13	Đinh Sỹ Thanh	Bácsĩ	Nội khoa	004925/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Hải	BSCK I	Hồi sức tích cực	0001243/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	7	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
2	Bùi Văn Thiện	BSCK I	Hồi sức tích cực	004555/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
3	Dương Khuê	BSCK I	Hồi sức tích cực	004556/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
4	Trần Đình Trung	Thạc sĩ	Hồi sức tích cực	0003671/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	6	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
5	Hoàng Quang Trung	Thạc sĩ	HSCC	0001340/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
6	Nguyễn Xuân Thái	Thạc sĩ	HSCC	0001346/HT	Khám chữa bệnh	14	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
7	Nguyễn Đăng Thái	Cử nhân	Điều dưỡng	0001149/HT	Chăm sóc người bệnh	16	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Quang Minh	Thạc sĩ	Nhi	000394/HT	Khám chữa bệnh Nhi	12	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67
2	Dương Văn Giáp	Thạc sĩ	Nhi	0001438/HT	Khám chữa bệnh Nhi	08	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67
3	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0001433/HT	Chăm sóc người bệnh	19	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Nhi	67

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh Truyền nhiễm

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Thị Lý	BSCK I	Truyền nhiễm	004695/HT	KCB Truyền nhiễm	22	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
2	Hoàng Viết Cường	BSCK I	Nội khoa	0001093/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	05	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
3	Trần Thị Mỹ An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001306/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh Truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh Chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Bích Lợi	Thạc sĩ	Mắt	0001809/HT	Khám chữa bệnh	17	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
2	Mai Văn Long	BSCK I	Mắt	000033/HT	Khám chữa bệnh	16	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
3	Hoàng Thị Nho	Bác sĩ	Mắt	0004450/HT	Khám chữa bệnh	5	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
4	Nguyễn Thị Lý	Cử nhân	Điều dưỡng	0001324/HT	Chăm sóc người bệnh	29	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Mắt	12
5	Nguyễn Thị Hồng Lâm	BSCK I	RHM	000232/HT	Khám chữa bệnh	12	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM	16
6	Võ Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0001816/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM	16

7	Thái Xuân Hải	BSCK I	Da liễu	000074/HT	Khám chữa bệnh	21	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
8	Trịnh Thị Thu Hiền	BSCK I	Da liễu	000272/HT	Khám chữa bệnh	25	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
9	Nguyễn Thị Hoài An	BSCK I	Da liễu	004712/HT	Khám chữa bệnh	6	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
10	Đoàn Thị Chuyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001793/HT	Chăm sóc người bệnh	21	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	Da liễu	10
11	Lê Thị Hà	Thạc sĩ	TMH	31/HT	Khám chữa bệnh	22	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
12	Trần Xuân Sơn	BSCK I	TMH	000110/HT	Khám chữa bệnh	18	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
13	Lê Bá Sang	BSCK I	TMH	000328/HT	Khám chữa bệnh	10	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22
14	Nguyễn Thị Thanh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0002217/HT	Chăm sóc người bệnh	15	Bệnh chuyên khoa	Dạy học thực hành	TMH	22

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe sinh sản

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	28	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	09	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	Sản phụ khoa	17	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
6	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK II	Bác sĩ	0003220/HT	Sản phụ khoa	9	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

7	Lâm Phúc Công	BSCK1	Bác sĩ	0004436/HT	Sản phụ khoa	4	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
8	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục này có 16 trang, 8 biểu mẫu với tổng số 98 cán bộ giảng dạy thực hành.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Ngoại khoaI, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Phan Thanh Minh	BSCK II	Ngoại khoa	0000826/HT	KCB Ngoại khoa	35	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
2.	Bạch Tuấn Anh	BSCK II	Ngoại khoa	0001105/HT	KCB Ngoại khoa	30	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3.	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
4.	Nguyễn Việt Cường	BSCK I	Ngoại khoa	0001151/HT	KCB Ngoại khoa	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42

5.	Nguyễn Huy Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001101/HT	KCB Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
6.	Nguyễn Quang Trúc	BDCK II	Bác sĩ	0001375/HT	Khám chữa bệnh	31	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
7.	Trần Ngọc Sâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001774/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
8.	Đinh Văn Bình	Thạc sĩ	Bác sĩ	000199/HT	Khám chữa bệnh	17	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
9.	Lê Anh Quang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001385/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
10.	Nguyễn Huy Hoàng	Bác sĩ	Bác sĩ	004885/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	03	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
11.	Nguyễn Văn Trường	BSCK I	Bác sĩ	0004088/HT	Khám chữa bệnh ngoại khoa	06	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40

12.	Đào Xuân Lý	BSCK II	Ngoại thần kinh	0001388/HT	Ngoại khoa	35	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
13.	Nguyễn Mạnh Hùng	BSCK I	Ngoại chấn thương	000136/HT	Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
14.	Lê Trọng Đức	Thạc sĩ	Ngoại thấn kinh	0001386/HT	Ngoại khoa	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
15.	Phan Duy Đán	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004412/HT	Ngoại khoa	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
16.	Trần Đức Tuấn	Bác sĩ	Ngoại khoa	0004471/HT	Ngoại khoa	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
17.	Chu Thị Hồng Nga	CNĐD	Đa khoa	0001091/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
18.	Trần Đức Dũng	BSCK II	Ngoại khoa	0001401/HT	Ngoại khoa	29	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
19.	Nguyễn Xuân Thắng	BSCK II	Ngoại khoa	000134/HT	Ngoại khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42

20.	Phan Văn Hùng	BSCK I	Ngoại khoa	0001405/HT	Ngoại khoa	13	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
21.	Trần Viết Công	Bác sĩ	Đa khoa	0003732/HT	Ngoại khoa	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
22.	Đặng Đôn Đỡ Long	Bác sĩ	Đa khoa	004884/HT	Ngoại khoa	3	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
23.	Nguyễn Tiến Độ	Bác sĩ	Đa khoa	004929/HT	Ngoại khoa	3	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
24.	Trần Thị Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0001398/HT	Chăm sóc người bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
25.	Văn Thị Mỹ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001399/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại tổng hợp	42
26.	Võ Văn Phương	BSCK II	Bác sĩ	0001136/HT	Khám chữa bệnh	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
27.	Nguyễn Việt Hùng	BSCK I	Bác sĩ	0001322/HT	Khám chữa bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

28.	Nguyễn Văn Khoa	BSCK I	Bác sĩ	0001138/HT	Khám chữa bệnh	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
29.	Đoàn Xuân Trường	Cử nhân	Điều dưỡng	0001791/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
30.	Lê Thị Huế	Cử nhân	Điều dưỡng	0001112/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
31.	Nguyễn Thị Châu	Cử nhân	Điều dưỡng	0002385/HT	Chăm sóc người bệnh	14	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
32.	Nguyễn Thị Hoa	Cử nhân	Điều dưỡng	004826/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70
33.	Đinh Hoài Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001119/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ung bướu	70

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0004093/HT	Khám chữa bệnh Nội	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
2	Võ Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001117/HT	Chăm sóc người bệnh	8	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
3	Thái Thọ	Thạc sĩ	Nội khoa	000054/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	14	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
4	Hoàng Thị Xuân Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001118/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40
5	Hoàng Phương Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	0001121/HT	Chăm sóc người bệnh	5	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tiết	40

6	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
7	Trần Thị Thanh Hảo	Thạc sĩ	Nội khoa	0001316/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
8	Trương Thị Như	Cử nhân	Điều dưỡng	0001432/HT	Chăm sóc người bệnh	22	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
9	Bạch Thị Thu Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001158/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
10	Vương Kim Đức	BSCK II	Nội khoa	0001733/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	30	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
11	Hoàng Văn Thành	BSCK I	Nội khoa	0001241/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
13	Trần Thị Phương Thu	Bác sĩ	Nội khoa	0004483/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
14	Trần Ngọc Anh	Bác sĩ	Nội khoa	004923/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
15	Đoàn Thị Liên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001240/HT	Chăm sóc người bệnh	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70

16	Đặng Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001097/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
17	Nguyễn Thị Hạnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001274/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tổng hợp	70
18	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
19	Phạm Hữu Đà	Thạc sĩ	Nội khoa	0001325/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	18	CSSK người cao tuổi	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
20	Tống Phong Vũ	Bác sĩ	Nội khoa	0003674/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
21	Nguyễn Phi Thành	Thạc sĩ	Nội khoa	0001339/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
22	Nguyễn Thị Kiệm	Cử nhân	Cử nhân	0001130/HT	Chăm sóc người bệnh	20	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
23	Phan Thị Thu Hiền	Cử nhân	Cử nhân	0001330/HT	Chăm sóc người bệnh	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
24	Đinh Sỹ Thanh	Bácsĩ	Nội khoa	004925/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

25	Nguyễn Thị Thùy Vinh	Cử nhân	Điều dưỡng	0001315/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70
26	Dương Thị Nghĩa	Cử nhân	Nội khoa	0001141/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Nội tim mạch	70

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Hải	BSCK I	Hồi sức tích cực	0001243/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	7	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
2	Bùi Văn Thiện	BSCK I	Hồi sức tích cực	004555/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
3	Dương Khuê	BSCK I	Hồi sức tích cực	004556/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
4	Trần Đình Trung	Thạc sĩ	Hồi sức tích cực	0003671/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	6	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
5	Ngô Quỳnh Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001371/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
6	Phạm Thị Thương	Cử nhân	Điều dưỡng	0001250/HT	Chăm sóc người bệnh	7	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
7	Trần Ngọc Lâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001305/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27

8	Hoàng Quang Trung	Thạc sĩ	HSCC	0001340/HT	Khám chữa bệnh	14	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
9	Nguyễn Xuân Thái	Thạc sĩ	HSCC	0001346/HT	Khám chữa bệnh	14	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10
10	Nguyễn Đăng Thái	Cử nhân	Điều dưỡng	0001149/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Cấp cứu chống độc	10

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Thúy	BSCK II	Phụ sản	000370/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	28	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
2	Nguyễn Hữu Nhật	Thạc sĩ	Phụ sản	0001183/HT	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
3	Hoàng Thị Kỷ	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001764/HT	Chăm sóc người bệnh	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
4	Nguyễn Thị Phi Nga	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001755/HT	Chăm sóc người bệnh	23	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
5	Lê Thị Lê Na	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001181/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50

6	Trần Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001169/HT	Chăm sóc người bệnh	09	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Sản	50
7	Trần Thị Thanh Hồng	BSCK II	Bác sĩ	000284/HT	Sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
8	Nguyễn Cơ Thạch	BSCK I	Bác sĩ	0003220/HT	Sản phụ khoa	9	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
9	Lâm Phúc Công	BSĐK	Bác sĩ	0004436/HT	Sản phụ khoa	4	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20
10	Trương Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng Phụ Sản	0001185/HT	Chăm sóc người bệnh	10	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Phụ - HTSS	20

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Quang Minh	Thạc sĩ	Nhi	000394/HT	Khám chữa bệnh Nhi	12	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
2	Dương Văn Giáp	Thạc sĩ	Nhi	0001438/HT	Khám chữa bệnh Nhi	08	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
3	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0001433/HT	Chăm sóc người bệnh	19	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67
4	Trần Thị Lệ Xuân	Cử nhân	Điều dưỡng	0001159/HT	Chăm sóc người bệnh	17	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Nhi	67
5	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0004434/HT	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Nhi	67

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh Truyền nhiễm

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Thị Lý	BSCK I	Truyền nhiễm	004695/HT	KCB Truyền nhiễm	22	Chăm sóc NB truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
2	Hoàng Viết Cường	BSCK I	Nội khoa	0001093/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	05	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
3	Trần Thị Mỹ An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001306/HT	Chăm sóc người bệnh	11	Chăm sóc NB truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Bích Lợi	Thạc sĩ	Mắt	0001809/HT	Khám chữa bệnh	17	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
2	Mai Văn Long	BSCK I	Mắt	000033/HT	Khám chữa bệnh	16	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
3	Hoàng Thị Nho	Bác sĩ	Mắt	0004450/HT	Khám chữa bệnh	5	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
4	Nguyễn Thị Lý	Cử nhân	Điều dưỡng	0001324/HT	Chăm sóc người bệnh	29	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
5	Kiều Thị Nguyệt Hằng	Cử nhân	Điều dưỡng	0001811/HT	Chăm sóc người bệnh	16	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
6	Dương Thanh Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001810/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Mắt	12
7	Nguyễn Thị Hồng Lâm	BSCK I	RHM	000232/HT	Khám chữa bệnh	12	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
8	Võ Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0001816/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16

9	Nguyễn Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001188/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
10	Ngô Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0001815/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	RHM	16
11	Thái Xuân Hải	BSCK I	Da liễu	000074/HT	Khám chữa bệnh	21	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
12	Trịnh Thị Thu Hiền	BSCK I	Da liễu	000272/HT	Khám chữa bệnh	25	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
13	Nguyễn Thị Hoài An	BSCK I	Da liễu	004712/HT	Khám chữa bệnh	6	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
14	Đoàn Thị Chuyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001793/HT	Chăm sóc người bệnh	21	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	Da liễu	10
15	Lê Thị Hà	Thạc sĩ	TMH	31/HT	Khám chữa bệnh	22	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
16	Trần Xuân Sơn	BSCK I	TMH	000110/HT	Khám chữa bệnh	18	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
17	Lê Bá Sang	BSCK I	TMH	000328/HT	Khám chữa bệnh	10	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
18	Nguyễn Thị Thanh Hải	Cử nhân	Điều dưỡng	0002217/HT	Chăm sóc người bệnh	15	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
19	Nguyễn Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001805/HT	Chăm sóc người bệnh	13	CSSK Bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47
20	Nguyễn Thị La	Cử nhân	Điều dưỡng	004502/HT	CS người bệnh	10	CS bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47

21	Võ Thị Hồng Lê	Cử nhân	Điều dưỡng	0001365/HT	CS người bệnh	8	CS bệnh CK	Dạy học thực hành	TMH	47

(Phụ lục này có 18 trang, 7 biểu mẫu, 108 cán bộ giảng dạy thực hành)

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Thắng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Đại học/Dược/ Dược lâm sàng

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Bích Lợi	Thạc sĩ	Mắt	0001809/HT	Khám chữa bệnh	17	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Mắt	12
2	Nguyễn Ngọc Thuần	BSCK II	Ngoại khoa	0001780/HT	KCB Ngoại khoa	16	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tiêu hóa	42
3	Nguyễn Quang Trúc	BDCK II	Bác sĩ	0001375/HT	Khám chữa bệnh	31	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại chấn thương	40
4	Đào Xuân Lý	BSCK II	Ngoại thần kinh	0001388/HT	Ngoại khoa	35	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại thần kinh	32
5	Lê Bá Sang	BSCK I	TMH	000328/HT	Khám chữa bệnh	10	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	TMH	22
6	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0004093/HT	Khám chữa bệnh Nội	15	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Nội tiết	40

7	Nguyễn Hà Nam	Thạc sĩ	RHM	000265/HT	Khám chữa bệnh	16	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	RHM	16
8	Lê Văn Dũng	Tiến sĩ	Nội khoa	000111/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	25	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Nội Tim mạch	70
9	Lê Viết Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0002822/HT	Khám chữa bệnh	18	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Thận - CXK	37
10	Vương Kim Đức	BSCK II	Nội khoa	0001733/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	30	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Nội tổng hợp	70
11	Nguyễn Xuân Bảo	BSCK I	Truyền nhiễm	000255/HT	KCB Truyền nhiễm	21	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Truyền nhiễm	26
12	Mai Văn Lục	BSCK II	Hồi sức tích cực	0001242/HT	Khám chữa bệnh Nội khoa	90	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Hồi sức tích cực	27
13	Lê Hữu Anh	BSCK I	Nhi	000002/HT	Khám chữa bệnh Nhi	36	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Nhi	67
14	Tôn Đức Quý	DSCK1	Dược	000031/HT	Khám chữa bệnh	22	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	TMH	
15	Nguyễn Đức Chung	Thạc sĩ	Dược	000110/HT	Khám chữa bệnh	8	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	TMH	

(Phụ lục này có 2 trang, 01 biểu mẫu, 15 cán bộ giảng dạy thực hành)

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Ngọc Thắng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. KHOA NỘI TỔNG HỢP

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy nội soi phế quản	01	
2	Máy đo hô hấp	01	
3	Monitor	025	
4	Máy điện tâm đồ	01	
5	Máy khí dung	03	
6	Bơm tiêm điện	06	
7	Huyết áp thủy ngân	04	
8	Nhiệt kế thủy ngân	50	
9	Ống nghe	10	
10	Bộ dụng cụ đặt Nội khí quản	01	

11	Xe tiêm	04	
12	Xe cấp cứu	01	
13	Hộp chống shock	06	
14	Xe đẩy cáng	01	
15	Xe đẩy ngồi	04	
16	Giường bệnh	108	
17	Tủ đầu giường	100	
18	Buồng bệnh	21	
19	Hệ thống oxy trung tâm	10	
20	Hệ thống oxy di động	03	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

2. KHOA THẬN - CXK

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm	04	
2	Máy đo huyết áp thủy ngân	04	
3	Máy khí dung	01	
4	Máy điện tim	01	
5	Máy hút đờm giãi	01	
6	Máy test đường huyết	02	
7	Bơm tiêm điện	05	
8	Máy truyền dịch	02	
9	Bình oxy	02	
10	Huyết áp đồng hồ	02	
11	Huyết áp điện tử	01	
12	Nhiệt kế	05	
13	Máy đo SPO2	01	
14	Buồng thủ thuật	01	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

3. KHOA NỘI TIẾT

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm	04	
2	Máy đo huyết áp thủy ngân	02	
3	Máy khí dung	01	
4	Máy điện tim	01	
5	Máy hút đờm giãi	01	
6	Máy test đường huyết	04	
7	Monitor	02	
8	Máy truyền dịch	01	
9	Bình oxy	02	
10	Huyết áp đồng hồ	01	
11	Huyết áp điện tử	01	
12	Nhiệt kế	05	
13	Buồng thủ thuật	01	
14	Máy bơm tiêm điện	03	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

4. KHOA NỘI TIM MẠCH

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy điện tim	1	
2	Máy bơm tiêm điện	12	
3	Máy truyền dịch	2	
4	Máy khí dung	3	
5	Máy hút dịch	2	
6	Huyết áp thủy ngân	5	
7	Huyết áp đồng hồ	1	
8	Máy test đường huyết	2	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

5. KHOA NGOẠI TỔNG HỢP

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm	02	
2	Máy dẫn lưu màng phổi	06	
3	Bình oxy	06	
4	Huyết áp, ống nghe, nhiệt độ	05	
5	Xe thay băng rửa vết thương	02	
6	Máy nội soi	01	
7	Monitor	01	
8	Bộ dụng cụ thông tiểu	05	
9	Bộ dụng cụ thụ tháo	02	
10	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	02	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

6. KHOA NGOẠI THẦN KINH

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm (đầy đủ dụng cụ)	02	
2	Máy điện tim	01	
3	Máy monitor	01	
4	Xe thay băng	01	
5	Bình oxy	02	
6	Hệ thống oxy	10	
7	Tủ thuốc	01	
8	Tủ vật tư	01	
9	Phòng tiểu phẩu	01	
10	Phòng tiêm	01	
11	Bộ đo huyết áp nhiệt kế	05	
12	Phòng bệnh	08	
13	Giường bệnh thực tế	39	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

7. KHOA UNG BƯỚU

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm	06	
2	Hệ thống Oxy	12	
3	Bơm tiêm điện	06	
4	Monitor	02	
5	Máy điện tim	01	
6	Máy truyền dịch	02	
7	Bình Oxy	03	
8	Máy khí dung	01	
9	Máy siêu âm	01	
10	Máy hút	05	
11	Hệ thống xạ trị	02	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

8. KHOA NGOẠI TIÊU HÓA

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Phòng tiêm	01	
2	Phòng thay băng, rửa vết thương	01	
3	Phòng bệnh nhân	13	
4	Xe tiêm	03	
5	Xe thay băng	01	
6	Máy đo huyết áp	03	
7	Xe đẩy bệnh nhân	06	
8	Cân	01	
9	Máy hút dẫn lưu màng phổi	02	
10	Đèn đọc phim XQ	02	
11	Nhiệt kế	05	
12	Bình Oxy	03	
13	Máy test đường huyết	01	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

9. KHOA NGOẠI CHẤN THƯƠNG

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Phòng tiêm thuốc	01	
2	Phòng thay băng, rửa vết thương	01	
3	Phòng tiểu phẩu	01	
4	Phòng bó bột	01	
5	Phòng cấp cứu	01	
6	Phòng bệnh nhân	07	
7	Xe tiêm thuốc	03	
8	Xe thay băng, rửa vết thương	02	
9	Máy đo huyết áp	02	
10	Tủ đựng thuốc	02	
11	Tủ đựng dụng cụ	01	
12	Tủ đựng đồ sinh viên	01	
13	Xe đẩy bệnh nhân	05	

14	Cân (đo cân nặng người bệnh)	01	
15	Monitor	01	
16	Đồng hồ đếm mạch	02	
17	Máy đo điện tiêm	01	
18	Đèn đọc phim XQ	02	
19	Hệ thống Oxy	01	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

10. KHOA CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xe tiêm	4	
2	Máy tiêm điện	12	
3	Máy truyền dịch	05	
4	Máy hút đờm	03	
5	Máy khí dung	01	
6	Máy chạy thân nhân tạo	55	
7	Monitor	05	
8	Máy sốc tim	01	
9	Máy điên tim	01	
10	Máy thăm dò huyết động không xâm lấn	01	
11	Máy siêu âm xuyên sọ	01	
12	Máy thở	8	
13	Máy áp lực nội sọ	01	

14	Máy test đường huyết	01	
15	Bộ đo huyết áp, ống nghe	04	
16	Nhiệt kế	05	
17	Bộ đèn đặt NKQ	04	
18	Bình oxy di động	02	
19	Bóp bóng hồi sức (người lớn, trẻ em)	10	
20	Giường cấp cứu	16	
21	Xe đẩy ngồi bệnh nhân	04	
22	Xe cáng bệnh nhân	07	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

11. KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy hút đờm giãi	05	
2	Máy thở	05	
3	Bình oxy	05	
4	Xe tiêm	03	
5	Máy dẫn lưu màng phổi	02	
6	Máy siêu âm	01	
7	Máy điện tim	02	
8	Huyết áp, ống nghe, nhiệt độ	05	
9	Xe thay băng rửa vết thương	01	
10	Monitor	02	
11	Bơm tiêm điện	05	
12	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	03	
13	Bộ dụng cụ cho ăn qua sonde	05	
14	Bộ dụng cụ thụt tháo	02	
15	Bộ dụng cụ thông tiểu	05	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

12. KHOA TAI – MŨI - HỌNG

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bộ bàn ghế khám và điều trị TMH	01	
2	Bộ nội soi TMH có hệ thống video	01	
3	Máy đo nhĩ lưỡng	01	
4	Máy đo thính lực	01	

13. KHOA DA LIỄU

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy LasenCP2, Plasma	02	
2	Máy chụp phân tích da	01	
3	Đèn chiếu hồng ngoại	02	

14. KHOA RĂNG - HÀM - MẶT

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Phòng nội nha: 3 ghế răng	03 ghế	
2	Phòng mổ	02	
3	Đèn mổ	03	
4	Hệ thống tranh, mẫu	03 bộ	

15. KHOA MẮT

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bảng đo thị lực	03	
2	Dụng cụ đo thi lực trẻ em	01	
3	Bộ đo nhãn áp	03	
4	Bộ dụng cụ tiểu phẩu	02	
5	Bộ dụng cụ mổ mộng mắt	02	
6	Bộ dụng cụ mở thể tinh thể ngoài bao	01	
7	Bộ dụng cụ mổ TTT	01	
8	Máy sinh hiển vi khám bệnh	01	
9	Máy sinh hiển vi phẩu thuật	02	
10	Bộ dụng cụ mổ cắt bỏ cũng mạc	01	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

16. KHOA NHI

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tủ tài liệu của học sinh	01	
2	Giường trực cho học sinh	01	
3	Ghế ngồi học	05	
4	Bàn học	01	
5	Xe tiêm	05	
6	Máy Monitor	10	
7	Hệ thống Oxy	10	
8	Máy hút đờm giãi	03	
9	Tủ thuốc	02	
10	Phòng bệnh	20	
11	Phòng tiêm	02	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

17. KHOA PHỤ - HTSS

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bộ đặt vòng tránh thai	15 khoản	
2	Bộ tháo vòng	07 khoản	
3	Bộ triệt sản	22 khoản	
4	Huyết áp thủy ngân	02	
5	Mỏ vịt thăm khám	30	
6	Ống nghe tim phổi	02	
7	Pank Ăng co các loại	30	
8	Kéo các loại	20	
9	Xe tiêm 2 tầng	02	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

18. KHOA SẢN

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bàn đẻ	08	
2	Bàn tít	04	
3	Tủ sấy	01	
4	Đèn gù	04	
5	Xe tiêm 2 tầng	02	
6	Kéo các loại	20	
7	Pank Ăng cơ các loại	20	
8	Huyết áp thủy ngân	03	
9	Bộ đỡ đẻ	15	
10	Bộ khâu TSM	10	
11	Máy hút nhớt	01	
12	Bóp bóng sơ sinh	03	
13	Máy thở có hệ thống oxy sơ sinh	01	

14	Van thăm khám	05	
15	Bàn tắm bé	02	
16	Bàn tiêm Vaccin VGB	01	
17	Máy dopler tim thai	01	
18	Máy monitor	05	
19	Ống nghe tim phổi	03	
20	Lọ đựng bông cồn sát khuẩn	06	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

19 . KHOA TRUYỀN NHIỄM

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bồn rửa tay	03	
2	Ống nghe	03	
3	Huyết áp	03	
4	Nhiệt kế	05	

5	Đồng hồ bấm để đếm mạch, nhịp thở	03	
6	Găng tay, khẩu trang, áo choàng, phương tiện trang bị phòng hộ cá nhân	20 bộ	
8	Bơm tiêm, kim tiêm, kim lấy thuốc	50	
9	Kim luồn tĩnh mạch	20	
10	Ống thông dạ dày	10	
11	Ống thông tiểu	05	
12	Túi đựng chất thải, thùng đựng vật sắc nhọn	10	
13	Búa khám phản xạ thần kinh	02	
15	Bơm tiêm điện	02	
16	Máy hút dịch	02	
17	Đèn chiếu, bộ dụng cụ mở khí quản	01	
18	Máy khí dung	01	
19	Bộ dụng cụ thụt tháo đại tràng	01	
20	Bộ dụng cụ thở oxy	05	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

20 . KHOA DƯỢC

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Kho viên, ống, độc	01	
2	Kho đông y Dược liệu	01	
3	Kho dịch truyền	03	
4	Kho thuốc ống va kho độc	01	
5	Kho hóa chất, cồn	01	
6	Nhiệt kế	5	
8	Ẩm kế	5	
9	Điều hòa	3	
10	Quạt	6	
11	Quạt thông gió	1	
12	Máy hút bụi	0	
13	Tủ lạnh	2	
15	Bình chữa cháy	4	

Dannh sách này có 22 trang

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Hoàng Quang Trung